

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2018/KTPT**
Ngày: 05/02/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nga

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
: Bà Ngô Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Hương -
Kiểm sát viên.

Ngày 05/2/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2017/TLPT ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân quận BD bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31 ngày 16/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trụ sở: 89 LH, Q. ĐĐ, Hà Nội

Đại diện hợp pháp: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hồng B và Ông Phan Văn N

Cán bộ xử lý nợ, Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Tầng 2B, Tòa nhà R6, RC, số 72A NT, TX, Hà Nội

(Ông B vắng mặt, ông N có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Công ty TNHH HA

Trụ sở: Số 4 ngách 535/19 KM, P. NK, BD, Hà Nội

Đại diện hợp pháp: Bà Tạ Ngọc T

Địa chỉ: Số 81/264 NT, P. NT, Q. LB, Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Nguyệt A

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hải A

Cùng trú tại: Số 24, ngách 268/58/18 NT, P. NT, LB, Hà Nội.

2. Bà Tạ Ngọc T

Địa chỉ: Số 81/264 NT, P. NT, Q. LB, Hà Nội

3. Anh Lê Hải A

4. Chị Nguyễn Thị Thanh H

5. Cháu Lê Ngọc K – Sinh năm 2014 (Con của anh Hải A và chị Thanh H)

Cùng trú tại: Số 24, ngách 268/58/18 NT, P. NT, Q. LB, Hà Nội

(Anh Lê Hải A có mặt, Bà T, bà H vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Đinh Nguyệt A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng V trình bày:

Công ty TNHH HA (Sau đây gọi tắt là Công ty HA) ký hợp đồng tín dụng số LD 1235200175 ngày 28/01/2013 của Ngân hàng V số tiền là 3.900.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh máy phát điện, đồ dùng nội thất và các sản phẩm khác theo đăng ký kinh doanh.

Theo khế ước nhận nợ số LD 1235200176 ngày 28/01/2013, số tiền nhận nợ là 2.000.000.000 đồng.

Theo khế ước nhận nợ số LD 1302900535 ngày 29/01/2013, số tiền nhận nợ là 1.900.000.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, ngân hàng đã giải ngân số tiền 3.900.000.000 đồng cho Công ty HA trong hai lần:

Lần 1: Ngày 28/01/2013 giải ngân số tiền là 2.000.000.000 đồng

Lần 2: Ngày 29/01/2013 giải ngân số tiền là 1.900.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: 16, P. NT, Q. LB, Hà Nội theo GCNQSD đất số AB 045276 do UBND quận LB, TP Hà Nội cấp ngày 31/3/2005, đăng ký sang tên cho Bà Đinh Nguyệt A ngày 24/12/2010 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận LB theo hợp đồng thế chấp số 82/2013 ngày 25/01/2013 tại Văn phòng công chứng KĐ, Hà Nội.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty HA đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V, cụ thể: Công ty HA mới trả được 2 kỳ lãi với tổng số tiền lãi là 87.974.767 đồng (trả lãi đến ngày 24/3/2013). Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty HA phải trả Ngân hàng V nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 24/5/2017, cụ thể:

Nợ gốc: 3.900.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 144.592.229 đồng

Lãi quá hạn từ 24/4/2013: 2.473.046.775 đồng

Tổng nợ gốc và lãi: 6.517.639.004 đồng

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty HA thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V

Trường hợp Công ty HA không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ theo đúng nghĩa vụ nêu trên thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty HA. Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty HA vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng V

Tại các bản khai tại Tòa án, người bị kiện là Công ty TNHH HA do Bà Tạ Ngọc T trình bày:

Công ty HA thừa nhận việc ký hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản như Ngân hàng V trình bày và xác nhận có vay của Ngân hàng V số tiền là 3.900.000.000 đồng.

Tuy nhiên, do hoạt động kinh doanh khó khăn, thua lỗ nên Công ty mất khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Công ty chưa thanh toán nợ gốc. Về lãi, Công ty mới thanh toán tiền lãi tính đến ngày 24/3/2013 là 87.974.767 đồng. Từ ngày 24/4/2013 Công ty không trả được lãi. Nay, Ngân hàng V khởi kiện, Công ty xin được trả dần nợ gốc, còn lãi xin Ngân hàng miễn toàn bộ lãi cho Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Tạ Ngọc T trình bày:

Bà là cổ đông Công ty TNHH HA.

Ngày 22/01/2013 Hội đồng thành viên Công ty TNHH HA có họp đề thống nhất vay Ngân hàng TMCP V. Do đó, ngày 28/01/2013 Công ty ký hợp đồng tín dụng để vay 3.900.000.000 đồng của Ngân hàng. Nay công ty chưa trả nợ gốc cho Ngân hàng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Đinh Nguyệt A do Ông Lê Hải A đại diện trình bày:

Công ty TNHH thương mại và nội thất Nội thất HA vay của Ngân hàng V số tiền 3.900.000.000 đồng.

Bà A là chủ sở hữu hợp pháp căn nhà số 24, ngõ 268, ngách 58, hẻm 18, tổ 16 phường Ngọc Thuy, quận LB, Hà Nội, tờ bản đồ số 22, thửa đất số 44.

Ngày 25/01/2013 Bà A có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, với tư cách là bên thế chấp, để bảo đảm khoản tiền vay cho bên thứ ba là Công ty TNHH HA tại Ngân hàng V.

Ngày 28/01/2013 Bà A có ký Hợp đồng tín dụng số LD 1235200175 với tư cách là ký xác nhận bảo đảm của bên thứ ba. Bà A thế chấp nhà đất số 24, ngõ 268, ngách 58, hẻm 18, tổ 16 phường Ngọc Thụy, quận LB, Hà Nội cho Ngân hàng V để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH HA.

Việc Bà A ký kết vào các hợp đồng nói trên là do Bà A tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Hiện tại, từ khi thế chấp đến nay, nhà đất này không cho ai thuê, ở nhờ, coi nói. Bà A đang ở cùng với con trai là Lê Hải Anh, con dâu là Lê Thị Thanh Hà và cháu gái Lê Ngọc Khuê.

Bà A chỉ ký hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng nói trên nhưng Bà A không nhận tiền vay cũng như sử dụng tiền vay nào của Công ty vay của Ngân hàng.

Lý do Bà A thế chấp nhà đất để đảm bảo khoản vay của Công ty HA là do anh Lê Hải A (con trai Bà A) là người có liên quan với Công ty nội thất HA. Tuy nhiên, Anh Lê Hải A không nhận và không sử dụng tiền do Công ty HA vay Ngân hàng.

Nay Công ty TNHH HA phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng, Bà A không chịu trách nhiệm về khoản vay đó.

Bà A đề nghị Ngân hàng làm rõ khoản vay 3.900.000.000 đồng và chứng minh rõ tính hợp pháp của hai khế ước nhận nợ thì Bà A mới chấp nhận kê biên phát mại tài sản đảm bảo để trả nợ thay cho Công ty HA.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Lê Hải A và vợ là Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Anh chị đều thống nhất với lời khai của Bà Đinh Nguyệt A, hiện nay, anh chị cùng con gái là Lê Ngọc K đang sinh sống trên đất của Bà A tại tổ 16 phường NT, quận LB, Hà Nội, nhà đất này Bà A đã thế chấp cho Ngân hàng như Bà A đã trình bày. Về việc khởi kiện của Ngân hàng, anh đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân quận BĐ đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Buộc Công ty HA phải trả nợ cho Ngân hàng với số tiền: Nợ gốc: 3.900.000.000 đồng và nợ lãi: 2.617.639.004 đồng. Trường hợp Công ty HA không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 6/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Đinh Nguyệt A đã làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- *Ngân hàng V do anh N đại diện trình bày:* Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ và đúng thủ tục, có hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và đã giải ngân 3.900.000.000 theo đề nghị của Công ty. Nay ngân hàng đề nghị Công ty HA phải trả cả gốc và lãi cho ngân hàng theo quy định. Nếu không trả được thì ngân hàng có quyền đề nghị kê biên, phát mãi tài sản là nhà đất theo hợp đồng thế chấp mà Bà A đã ký với ngân hàng.

Bà Đinh Nguyệt A do anh Lê Hải A đại diện theo ủy quyền trình bày: Xác nhận Bà A có ký vào hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của Công ty HA đối với ngân hàng. Công ty HA đã nhận 3.900.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngân hàng không có ủy nhiệm chi nên Bà A không chấp nhận việc phát mãi tài sản của bà để đảm bảo cho khoản vay của Công ty HA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán tại cấp phúc thẩm, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Công ty HA đã ký khế ước nhận nợ và ngân hàng đã giải ngân số tiền 3.900.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty HA. Bà A đã ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty HA. Việc Bà A ký hợp đồng thế chấp là tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Công ty HA đã thừa nhận việc nhận tiền từ ngân hàng. Vì vậy, Công ty HA phải có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng 3.900.000.000 đồng. Trường hợp Công ty HA không thanh toán được khoản tiền nêu trên thì bà Nguyệt Ánh phải có nghĩa vụ thế chấp ngôi nhà để đảm bảo thanh toán cho khoản vay của ngân hàng. Về việc bà Nguyệt Ánh kháng cáo cho rằng ngân hàng đã tự động chuyển tiền của Công ty HA vào tài khoản của bên bán không thuộc nội dung của hợp đồng tín dụng nên kháng cáo của bà Nguyệt A là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyệt A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

- Kháng cáo của Bà Đinh Nguyệt A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bản án kinh doanh thương mại số 07/2017/KDTM-ST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân quận BD là trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Tòa án nhân dân TP Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền

- Bà Tạ Ngọc Đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Nội thất HA và chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung kháng cáo.

Bà A kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng với lý do: Không có đề nghị giải ngân của Công ty HA nhưng vẫn giải ngân là vi phạm quy chế; Yêu cầu xác định chữ ký của ông Lê Văn C là giám đốc Công ty HA trên ủy nhiệm chi của Ngân hàng, xác minh việc ông C đã làm việc với ngân hàng vào ngày 28,29/1/2013.

Xét kháng cáo của Bà A thấy:

Ngày 28 tháng 01 năm 2013 Ngân hàng V và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Nội thất HA (sau đây gọi tắt là Công ty) ký hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số LD 1235200175. Số tiền vay 3.900.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh máy phát điện, đồ dùng nội thất và các sản phẩm khác theo đăng ký kinh doanh.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty theo 02 khế ước nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng, khế ước lần 1, thời hạn 05 tháng từ ngày 28 tháng 01 năm 2013 đến ngày 28 tháng 6 năm 2013; khế ước lần 2, thời hạn từ 29 tháng 01 năm 2013 đến 29 tháng 6 năm 2013:

Lần 1: Giải ngân: 2.000.000.000 đồng

Lần 2: Giải ngân: 1.900.000.000 đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 23 tháng 4 năm 2013 Công ty đã trả được 87.974.767 đồng tiền nợ lãi trong hạn.

Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc Công ty phải thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số LD 1235200175 ngày 28

tháng 01 năm 2013 (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là: 6.517.639.004 đồng bao gồm:

Nợ gốc: 3.900.000.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn : 144.592.229 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 2.473.046.775 đồng.

- Buộc Công ty phải thanh toán nợ lãi phát sinh theo qui định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Xử lý tài sản thế chấp.

Tại các bản khai tại Tòa án, đại diện Công ty HA xác nhận Ngân hàng đã giải ngân 3.900.000.000 đồng cho Công ty vay. Về số nợ gốc Công ty chưa trả và tính đến ngày 23 tháng 4 năm 2013 mới trả lãi trong hạn 87.974.767 đồng. Nguyên nhân không trả được nợ là do công ty kinh doanh thua lỗ trong nên mất khả năng thanh toán.

Hồ sơ tài liệu thể hiện: Công ty HA đã xác nhận việc ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân nhưng chưa trả được nợ gốc và mới chỉ trả được một phần lãi nên Công ty HA đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, vi phạm điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả toàn bộ số nợ gốc của hai kế ước nhận nợ nêu trên và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là có cơ sở chấp nhận, cụ thể: buộc Công ty HA phải trả Ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.900.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 144.592.229 đồng và nợ lãi quá hạn: 2.473.046.775 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 6.517.639.004 đồng.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, Ngân hàng đã nộp cho Tòa án giấy đề nghị giải ngân ngày 28/01/2013 và giấy đề nghị giải ngân ngày 29/01/2013 và ông Chương đã có văn bản xác nhận chữ ký trong hai giấy đề nghị trên là do ông ký. Vì vậy, Bà A kháng cáo cho rằng Công ty không có ý kiến giải ngân và không có giấy đề nghị giải ngân và ông Chương không làm việc với ngân hàng ngày 28,29/01/2013 là không có căn cứ. Bà A còn kháng cáo cho rằng ngân hàng không xuất trình được ủy nhiệm chi là làm mất tiền của Công ty nên không chấp nhận kê biên tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi ký kết hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty theo đúng đề nghị giải ngân. Phía Công ty HA đã nhận đủ tiền trên tài khoản và ký nhận tiền theo hai kế ước nhận nợ. Số tiền vay đã thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty HA. Nay Công ty HA không trả được nợ, ngân hàng đề nghị kê biên tài sản của Bà A là có căn cứ. Bà A yêu cầu xem xét về việc chuyển tiền từ tài khoản của Công ty HA sang bên bán hàng cho Công ty HA nhưng không có chứng từ ủy nhiệm chi nhưng ngân hàng đã chứng minh được việc chuyển tiền theo đúng yêu cầu của công ty và công ty đã nhận nợ nên không có căn cứ cho rằng ngân hàng đã làm mất tiền của công ty. Vì vậy, yêu cầu này của Bà A không được chấp nhận.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất ký ngày 25 tháng 01 năm 2013 giữa Ngân hàng và Bà Đinh Nguyệt A thể hiện tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 22, có địa chỉ: Tổ 16 phường NT, quận LB, thành phố Hà Nội, diện tích 89m², (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 045726, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: số GCN: 366/2005/QĐ-UB/00078/2005, MS: 10127650006 do UBND quận LB, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/3/2005 cho ông Lê Đức C và Bà Đinh Nguyệt A, đăng ký sang tên cho Bà Đinh Nguyệt A ngày 24/12/2010 tại Văn phòng Đăng ký đất và nhà quận LB). Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho các nghĩa vụ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này. Theo đó, các bên thống nhất xác định giá trị tài sản thế chấp là 5.606.000.000 đồng.

Tại các bản khai, Bà A và đại diện theo ủy quyền của Bà A đều xác nhận việc ký kết hợp đồng thế chấp là có thật, các bên ký hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, hợp đồng đã được công chứng và được đăng ký tài sản bảo đảm ngày 26 tháng 1 năm 2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận LB là đúng quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp nêu trên là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, thấy: Kháng cáo của Bà Đinh Nguyệt A là không có cơ sở chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Quyết định:

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân quận BD, Hà Nội.

Căn cứ: Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 38, điều 147, khoản 1 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 1 điều 26, khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Nội thất HA phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền:

- Tiền gốc là 3.900.000.000 đồng (ba tỷ, chín trăm triệu đồng).
 - Tiền lãi trong hạn: 144.592.229 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng)
 - Tiền lãi quá hạn: 2.473.046.775 đồng (hai tỷ, bốn trăm bảy mươi ba triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng)
- Tổng số tiền phải thanh toán là: 6.517.639.004 đồng (sáu tỷ, năm trăm mười bảy triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, không trăm linh bốn đồng).

Kể từ sau ngày tuyên án, Công ty TNHH HA phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

2. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Nội thất HA không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 22, diện tích 89m², địa chỉ: Tổ 16 phường NT, quận LB, thành phố Hà Nội (nay là số 24, hẻm 268/58/18 phố NT, quận LB, Hà Nội), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 045726, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: số GCN: 366/2005/QĐ-UB/00078/2005, MS: 10127650006 do UBND quận LB, thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 3 năm 2005 cho ông Lê Đức C và Bà Đinh Nguyệt A, đăng ký sang tên cho Bà Đinh Nguyệt A ngày 24 tháng 12 năm 2010 tại Văn phòng Đăng ký đất và nhà quận LB. Được thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo hợp đồng thế chấp số 82/2013 quyền số 01-2013 lập ngày 25 tháng 01 năm 2013 tại Văn phòng Công chứng KĐ.

- Những người đang ở và sinh sống tại địa chỉ nhà đất cùng bà Đinh Nguyệt A phải di chuyển để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền thiếu.

3. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Nội thất HA phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 114.517.639 đồng (một trăm mười bốn triệu, năm trăm mười bảy nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) theo biên lai số 0008064 ngày 17 tháng 3 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự Q.Ba Đình.

Bà Đình Nguyệt A phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0007418 ngày 13/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Q.Ba Đình.

4. Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. BD;
- VKSND quận BD;
- Chi cục THA DS quận BD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Nga

hai mươi tám đồng). Số tiền lãi này công ty Trường An tính là 9%/năm kể từ thời điểm công ty T-B đối chiếu công nợ cuối cùng đến ngày Tòa án xét xử.

Người bị kiện là Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng T-B do ông trình bày:

Ngày 01/01/2014, công ty T-B ký hợp đồng mua bán số 165 với Công ty Trường An về việc mua xi măng Xuân Thành CPC 40. Quá trình mua bán Công ty T-B đã thanh toán cho Công ty Trường An số tiền là 1.864.029.800 đồng (Một tỷ, tám trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm đồng).

Về yêu cầu khởi kiện của Công ty Trường An về việc yêu cầu Công ty T-B thanh toán khoản nợ gốc là 1.864.029.800 đồng (Một tỷ, tám trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm đồng) và nợ lãi là 433.386.928 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng), Công ty T-B có ý kiến như sau:

Về khoản nợ gốc: Công ty T-B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trường An trong thời hạn 24 tháng.

Về khoản nợ lãi: Công ty T-B hiện nay đang rất khó khăn nên đề nghị Công ty Trường An miễn toàn bộ khoản nợ lãi nêu trên.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2017/KDTM-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân quận BD đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trường An, yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng T-B thanh toán tiền còn thiếu theo hợp đồng với tổng số tiền là 1.893.366.601 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm linh một đồng) trong đó số tiền lãi là 29.336.801 đồng (hai mươi chín triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm linh một đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Trường An về khoản lãi suất 404.050.127 đồng (bốn trăm linh bốn triệu, không trăm năm mươi triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Về án phí: Buộc Công ty T-B phải nộp 68.800.998 đồng (sáu mươi tám triệu, tám trăm nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty Trường An phải nộp án phí đối với khoản tiền không được chấp nhận là 20.162.005 đồng (Hai mươi triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm linh năm đồng)

Ngoài ra bản án còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 25/8/2017 người khởi kiện Công ty Trường An đã nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm liên quan đến lãi suất chậm trả và án phí dân sự sơ thẩm và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty T-B phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng số 169 và hợp đồng số 165 với tổng số tiền là: 2.297.416.728 đồng (Hai tỷ, hai trăm chín bảy triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng) và đề nghị.....(án phí)

Người bị kiện.....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán tại cấp phúc thẩm, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Xét kháng cáo của người khởi kiện.....

.....
.....
.....

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Ngày 06/06/2017, Công ty Trường An nộp đơn khởi kiện yêu cầu Công ty T-B thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng số 169 ngày 01/10/2013 và hợp đồng số 165 ngày 01/4/2014 giữa Công ty Trường An và Công ty T-B.

Công ty TNHH Trường An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 05/7/2006.

Công ty T-B được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/5/2009.

Khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”. Tòa án nhân dân quận BD thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là đúng pháp luật và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu: Tài liệu, hồ sơ thể hiện các bên đương sự không có bất kỳ yêu cầu nào về áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án nên Tòa án không xét về thời hiệu khởi kiện vụ án theo quy định tại khoản 2 điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của người khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, thấy:

Theo hợp đồng mua bán số 169 được ký kết ngày 02/10/2013 giữa Công ty Trường An với Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng T-B, theo đó: Công ty Trường An bán cho Công ty T-B Xi măng Xuân Thành rời PCB40, xi măng Tam Điệp rời PCB40.

Giá cả: Giá Xi măng Xuân Thành rời PCB40, sản lượng trong tháng < 1.500 tấn: giá 1.070.000 đồng/tấn, sản lượng trong tháng từ 1.500 tấn trở lên: 1.060.000 đồng. Xi măng Tam Điệp rời PCB 40: mức 1.500 tấn trở lên giá 1.090.000 đồng/tấn. Ngoài ra, hợp đồng có quy định thời hạn thanh toán, nếu quá thời hạn thanh toán mà bên B không thanh toán cho bên A thì tính lãi suất 1,5% trên tổng số dư nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng cụ thể như sau:

- Theo hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001211 ngày 31/10/2013, Công ty Trường An bán cho Công ty T-B 11,478.950 tấn xi măng Xuân Thành và xi măng Tam Điệp với tổng số tiền là: 1.582.476.115 đồng.
- Theo hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001697 ngày 30/11/2013, Công ty Trường An bán cho Công ty T-B 1,201.100 tấn xi măng Tam Điệp với số tiền là: 1.292.667.000 đồng.
- Theo hóa đơn Giá trị gia tăng số 0002484 ngày 31/12/2013, Công ty Trường An bán cho Công ty T-B 293,190 tấn xi măng Tam Điệp và xi măng Xuân Thành với tổng số tiền là 309.396.300 đồng.

Như vậy, tổng số tiền theo hợp đồng số 169 mà Công ty T-B phải thanh toán cho Công ty Trường An là: 1.582.476.115 + 1.292.667.000 + 309.396.300 = 3.184.539.415 đồng.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/12/2013 giữa hai công ty thể hiện: Đến hết ngày 21/12/2013 Công ty T-B còn nợ công ty Trường An số tiền là 1.589.539.800 đồng. Như vậy, Công ty T-B đã thanh toán được cho Công ty Trường An số tiền là 1.594.999.615 đồng.

Ngày 01/01/2014 Công ty TNHH Trường An ký với Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng T-B hợp đồng mua bán số 165, theo đó: Công ty Trường An bán cho Công ty T-B Xi măng Xuân Thành rời PCB40, được sản xuất theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất đã đăng ký.

Về giá cả: Thay đổi tùy mức sản lượng theo thực tế mua hàng. Giá xi măng Xuân Thành rời PCB40: 1.000.000 đồng/tấn (đã bao gồm VAT và chi phí vận chuyển).

Quá trình thực hiện hợp đồng cụ thể như sau:

Theo hóa đơn Giá trị gia tăng số 0003260 ngày 31/3/2014, Công ty Trường An bán cho Công ty T-B 624.490 tấn xi măng rời PCB40 với tổng số tiền là 624,490,063 đồng.

Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/4/2014 giữa Công ty Trường An và Công ty T-B thể hiện: Đến hết ngày 31/3/2014 Công ty T-B còn nợ Công ty Trường An số tiền là 1.864.029.800 đồng.

Tại bản khai ngày 12/7/2017, ông Võ Thanh Bình – đại diện theo pháp luật Công ty T-B xác nhận Công ty T-B còn nợ của Công ty Trường An số tiền là 1.864.029.800 đồng. Việc Công ty T-B xác nhận khoản nợ như trên cũng trùng với yêu cầu khởi kiện của Công ty Trường An về việc khởi kiện yêu cầu Công ty T-B phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.864.029.800 đồng. Như vậy, Công ty Trường An khởi kiện yêu cầu Công ty T-B thanh toán tiền nợ gốc theo hai hợp đồng mua bán với số tiền là 1.864.029.800 đồng là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trường An là phù hợp quy định của pháp luật.

Về yêu cầu tính lãi suất, thấy:

Tại đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu số tiền lãi suất tính từ ngày 01/4/2014 đến ngày 01/11/2016 (31 tháng) với mức lãi suất là 9%/năm theo Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản, cụ thể: $1.864.029.800 \times 0,75 \times 31 = 433.386.928$ đồng. Tại bản án sơ thẩm chấp nhận phần lãi suất là 29.336.801 đồng nên số tiền lãi còn lại mà Công ty Trường An yêu cầu Công ty T-B phải thanh toán là $133.386.928$ đồng – $29.336.801$ đồng = $404.050.127$ đồng. Xét yêu cầu này của Công ty Trường An thấy:

Tại điều 3, mục 3.2 hợp đồng số 169, các bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả là 1,5% trên tổng dư nợ. Theo đó, mức lãi suất chậm trả mà Công ty T-B phải trả cho Công ty Trường An theo hợp đồng số 169 là $1.589.539.800 \times 1,5\% = 23.843.097$ đồng

Tại điều 3, mục 3.2 hợp đồng số 165, các bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả là 2% trên tổng dư nợ. Theo đó, mức lãi suất chậm trả mà Công ty T-B phải trả cho Công ty Trường An theo hợp đồng số 165 là $274.490.000 \times 2\% = 5.489.800$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi công ty T-B phải thanh toán cho Công ty Trường An là $23.843.097 + 5.489.800 = 29.332.897$ đồng.

Từ những phân tích nêu trên, đủ căn cứ để xác định Công ty T-B phải thanh toán số tiền nợ gốc cho Công ty Trường An là **1.864.029.800 đồng** và số tiền lãi là **29.332.897 đồng**.

Điều 4 Bộ luật dân sự 2005 quy định: Trong quan hệ dân sự, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được áp đặt, cấm đoán, cưỡng ép, đe dọa, ngăn cản bên nào. Cam kết, thỏa thuận hợp pháp có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên và phải được cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác tôn trọng.

Người khởi kiện kháng cáo cho rằng thỏa thuận về lãi suất chậm trả của các bên trong hợp đồng là không rõ ràng, không xác định được cách thức áp dụng lãi suất tính trên tổng dư nợ được tính trên một tháng, một năm hay cho cả thời gian vi phạm và yêu cầu tính lãi suất là 9%/năm theo Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên Công ty T- B phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Công ty Trường An còn phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần lãi không được Tòa án chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH

Bác kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường An và giữ nguyên quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2017/KDTM-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân quận BD.

Căn cứ: Điều 4; Điều 428 Bộ luật dân sự 2005; Điều 50 Luật thương mại 2005; Các điều: 5,30,37,184, khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trường An về việc đề nghị áp dụng mức lãi suất cơ bản 9%/năm để tính lãi suất chậm trả mà Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng T-B phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường An và Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường An không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Buộc Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng T-B thanh toán cho công ty Trường An số tiền nợ gốc là 1.864.029.800 (Một tỷ tám trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm) đồng và số tiền lãi là 29.332.897 (hai mươi chín triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi bảy) đồng.

2. Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường An phải chịu 20.202.701 (Hai mươi triệu hai trăm linh hai nghìn bảy trăm linh một) đồng án phí đối với yêu cầu về trả

lãi không được chấp nhận, đối trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0007435 ngày 19/6/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, công ty Trách nhiệm hữu hạn Trường An còn phải nộp 1.702.701 (Một triệu bảy trăm linh hai nghìn bảy trăm linh một) đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường An phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0007627 ngày 08/9/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/12/2017.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội
- TAND Q. Ba Đình;
- Cơ quan THADS Q. Ba Đình;
- Các đương sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nga